TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/DS-PT
Ngày 28 - 11 - 2019
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà H, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông B, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bà C, sinh năm 1980

Cùng cư trú tại: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà C: Ông B, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đ, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Ông D, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp L, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

3. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H; trụ sở: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H (có đơn xin vắng mặt).

4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu; trụ sở: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. (có đơn xin vắng mặt)

5. Ngân hàng O; trụ sở: Số 18, K, xã M, huyện R, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông X, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông U, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng O – Chi nhánh huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà A trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ A là ông D1 và bà D2 cho lại A (D1 chết năm 1984, D2 chết năm 1985). Lúc cha mẹ cho đất thì A chưa có gia đình, khi cho đất không có làm giấy tờ chỉ nói miệng. Đất này từ trước đến nay D1, D2 và A chưa làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi được cho đất thì A sử dụng và sau khi có chồng thì A và Đ tiếp tục sử dụng đất này. Năm 2003, ông D khi đó là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng: Cơ quan làm việc của Viện kiểm sát huyện H chật hẹp nên có đến gặp A và anh trai của A là ông G (G và vợ nay đã chết) để hỏi mượn đất làm bếp nấu ăn và nhà vệ sinh cho cơ quan. Khi cho mượn, đất có chiều ngang 6m chiều dài 5,6m, diện tích 33,6m^2 có kích thước và định vị như sau: Hướng Đông giáp đất của ông Việt cạnh dài 5,6m; hướng Tây giáp đất của trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện H (nay là đất của ông B và bà C) có cạnh dài 5,6m; hướng Nam giáp đất ông G có cạnh dài 6m; hướng Bắc giáp lộ nhựa (nay là vỉa hè) có cạnh dài 6m. Khi cho D mượn đất thì G đứng ra cho mượn vì cha mẹ A chết, đất chưa sang tên cho A mà G là anh lớn trong gia đình. G có hỏi ý kiến A và A đồng ý cho mượn đất. Khi cho mượn không có làm giấy tờ chỉ nói

miệng, có ông S, ông S1và ông S2 biết sự việc. D nói khi nào trụ sở Viện kiểm sát di dời thì trả đất cho A. Năm 2005, Viện kiểm sát di dời đi nhưng A vẫn thấy D còn ở tại trụ sở cũ nên A không có đi đòi và D cũng không nói trả đất. A không biết đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng khi nào và diện tích bao nhiêu. Sau này A thấy D cho người khác thuê để rửa xe, A chỉ nghĩ D cho thuê phần trụ sở nên cũng không có ý kiến gì. Năm 2017, A phát hiện ông B và bà C cất nhà trên đất bà cho mượn nên xảy ra tranh chấp. Khi đó A phát hiện D đã chuyển nhượng đất cho B và C. A có qua nhà D nói về việc B và C cất nhà trên phần đất của A cho mượn thì D có nói miệng là sẽ nói lại với B. Nay, A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc B và C trả lại phần đất có diện tích 33,6m^2, qua đo đạc thực tế là 33,8m^2 đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày: Phần đất tranh chấp B và C nhận chuyển nhượng của ông D vào năm 2017. Khi mua thì D và B thỏa thuận mua nguyên căn nhà và diện tích 109,2m^2 bao gồm cả phần đất tranh chấp. Tổng giá trị nhà và đất là 1.050.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng thì chỉ ghi trong hợp đồng là diện tích đất 109,2m^2 để dễ làm thủ tục chuyển nhượng và tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. B và C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 109,2m^2. Phần đất này ông bà đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng O để vay số tiền 700.000.000 đồng. Ông bà không biết phần đất tranh chấp D có mượn A hay không. Khi nhận chuyển nhượng đất thì B, C và D có mời địa phương và những người ký giáp ranh chứng kiến. Thời điểm mua đất có căn nhà bao trùm lên phần đất tranh chấp và hiện nay B và C đã đập bỏ chỉ còn nền móng và một bức tường nhà cũ của D. Khi B và C cất nhà thì A ngăn cản, cho rằng B C lấn qua phần đất của A (phần đất cho D mượn). Do đó, B và C không cất nhà hết phần đất 109,2m^2 mà chừa lại phần đất đang tranh chấp khi nào cơ quan chức năng giải quyết xong thì ông bà cất nhà hết phần đất đã nhận chuyển nhượng. Nay, B và C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ trình bày: Đ thống nhất với lời trình bày của A.

Người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thị trấn N thì ông B có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông D và được chỉnh lý trang tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 319 tờ bản đồ số 07, diện tích 109,2m^2 vào năm 2017, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B tại thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn N trình bày: Phần đất tranh chấp diện tích 32,3m^2 (theo mặt bản vẽ ngày 15/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu) nằm trong thửa số 25 tờ bản đồ số 07 chưa

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào, thể hiện trên sổ mục kê do Ủy ban nhân dân thị trấn N quản lý. Tuy nhiên diện tích đất này thực tế do các đương sự đang sử dụng từ trước đến nay và không thuộc đất công ích nên Ủy ban nhân dân thị trấn N không có yêu cầu gì về diện tích đất này.

Người đại diện của Ngân hàng O trình - Chi nhánh huyện H trình bày: Xét hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với B và C không thuộc nợ quá hạn, nợ xấu. Đồng thời phần diện tích đất tranh chấp quá nhỏ không ảnh hưởng đến hợp đồng thế chấp nên Ngân hàng không yêu cầu B và C trả nợ Ngân hàng trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D trình bày: Trước đây phía sau hậu của trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện H có một phần đất trống là cái đìa không có ai làm chủ. Năm 2001, D là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H thuê người bơm cát để lấp cái đìa nhằm xây tường xung quanh làm bếp ăn và nhà vệ sinh cho cơ quan (nay là phần đất tranh chấp). Năm 2004, trụ sở Viện kiểm sát di dời đi nơi khác và do có nhu cầu về nhà ở nên D làm đơn mua và được Nhà nước bán cho toàn bộ nhà và đất bao gồm phần đất D xây tường, nhà ăn và nhà vệ sinh giá khoảng 150.000.000 đồng. Vì trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện H chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 109,2m^2 nên D cũng chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích nêu trên. Sau khi mua nhà và đất thì D sử dụng từ năm 2005 đến năm 2017 không có ai tranh chấp. Ngày 05/9/2017, D bán toàn bộ căn nhà và đất cho B và C. Việc A cho rằng phần đất tranh chấp do D mượn của A là không đúng. Phần đất này D đã bán cho B và C nên D không có yêu cầu gì.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A kiện đòi ông B và bà C trả lại cho A phần đất điện tích qua đo đạc thực tế 33,8m^2. Trong đó, nằm trong thửa đất số 319 tờ bản đồ số 07 có diện tích 16m^2 do ông B và bà C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trong thửa đất số 25 tờ bản đồ số 07 có diện tích 17,8m^2 chưa cấp giấy cho đối tượng nào tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Ông B và bà C được tiếp tục sử dụng phần đất đo đạc thực tế có diện tích là 33,8m^2 có kích thước và vị trí như sau:

Phía Đông giáp đất ông V1 cạnh dài 5,1m;

Phía Tây giáp đất không tranh chấp của ông B có cạnh dài 5,20m;

Phía Nam giáp đường nhựa cạnh dài 6,6m;

Phía Bắc giáp đất không tranh chấp của bà A cạnh dài 6,54m.

Trong đó:

Thửa số 01: Diện tích 16,0m^2 nằm trong thửa 319 tờ bản đồ số 07 do ông B và bà C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có kích thước và vị trí như sau:

Phía Đông giáp đất tranh chấp số 02 có cạnh dài 5,2m

Phía Tây giáp đất không tranh chấp của ông B có cạnh dài 5,15m

Phía Nam giáp đường nhựa có cạnh dài 3,1m

Phía Bắc giáp đất không tranh chấp của bà A có cạnh dài 3,1m

Thửa đất số 02: Diện tích 17,8m^2 nằm trong thửa 25 tờ bản đồ số 07 thể hiện trên sổ mục kê do Ủy ban nhân dân thị trấn N quản lý có kích thước và vị trí như sau:

Phía Đông giáp đất ông V1 có cạnh dài 5,1m

Phía Tây giáp đất tranh chấp thửa 01 có cạnh dài 5,15m

Phía Nam giáp đường nhựa có cạnh dài 3,44m

Phía Bắc giáp đất không tranh chấp của bà A có cạnh dài 3,5m

Ông B và bà C có quyền đến cơ quan chứng năng kê khai, đăng ký sử dụng đất đối với phần diện tích 17,8m^2 nằm trong thửa 25 theo quy định của pháp luật khi có nhu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn bà A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc buộc ông B và bà C trả lại phần đất qua đo đạc thực tế là 33,8m^2 tại thửa 319 tờ bản đồ số 07.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến: Đề nghị các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Trên thực tế A cần phần đất có chiều ngang 02m để làm lối đi. Trong trường hợp B không đồng ý thỏa thuận thì đề nghị không công nhận đất cho B và C quản lý, sử dụng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà A; sửa một phần bản án sơ thẩm về việc không tuyên quyền tiếp tục sử dụng đất và quyền kê khai đăng ký cho ông B và bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Ngày 06/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại bản trích đo thửa đất tranh chấp ngày 15/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu, phần đất tranh chấp có diện tích 33,5m^2 có vị trí và số đo như sau:

- Thửa số 01:

Phía Đông giáp đất tranh chấp số 02 có cạnh dài 5,2m;

Phía Tây giáp đất không tranh chấp của ông B có cạnh dài 5,2m;

Phía Nam giáp đường nhựa có cạnh dài 0,36m;

Phía Bắc giáp đất không tranh chấp của bà A có cạnh dài 0,06m.

Diện tích 1,2m^2 nằm tại thửa 319 tờ bản đồ số 7 do ông B và bà C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 02:

Phía Đông giáp đất ông V1 có cạnh dài 5,1m;

Phía Tây giáp đất tranh chấp thửa 01 có cạnh dài 5,2m;

Phía Nam giáp đường nhựa có cạnh dài 6.21m;

Phía Bắc giáp đất không tranh chấp của bà A có cạnh dài 6.34m.

Diện tích 32,3m^2 nằm trong thửa 25 tờ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H quản lý.

Theo hồ sơ thể hiện phần đất tại thửa 319 tờ bản đồ số 07 được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà C. Đối với phần đất tại thửa 25 tờ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H quản lý.

[2] Nguyên đơn bà A cho rằng đất tranh chấp là của cha mẹ là ông D1 và bà D2 cho, khi cho đất không làm giấy tờ, chỉ bằng lời nói; phần đất này A cũng

như cha mẹ A chưa kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Bị đơn ông B và bà C xác định đất ông bà nhận chuyển nhượng của ông D vào năm 2017. D xác định đất trước đây là đất trống do ông bồi đắp, cất nhà sử dụng từ năm 2001 và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc theo Biên bản đo đạc ngày 06/11/2019 và bản trích đo thửa đất ngày 15/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu.

[4] Xét kháng cáo của A yêu cầu B và C trả đất, Hội đồng xét xử xét thấy: A xác định phần đất tranh chấp do bà cho ông D (trước đây là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H) mượn để làm nhà bếp và nhà vệ sinh cho cơ quan D vào năm 2003, khi cho mượn không có giấy tờ chỉ bằng lời nói nhưng D không thừa nhận có sự việc cho mượn đất. Mặt khác, A cho rằng bà và D thỏa thuận cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H mượn đất để làm nhà bếp và nhà vệ sinh và khi nào cơ quan di dời thì trả đất cho A. Tuy nhiên, năm 2005 A biết sự việc trụ sở Viện kiểm sát dời đến nơi khác và D không trả đất mà D tiếp tục cho người khác thuê lại bà cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[5] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình A có yêu cầu xác minh một số người làm chứng: Ông S1, ông S, ông S2. Tại biên bản lấy lời khai của ông S1(bút lục số 73), S1 xác định: Khi ông S là Bí thư Ủy ban nhân dân thị trấn N có giao nhiệm vụ cho S1 đi mời ông G (anh ruột của A) và ông S2 để S bàn bạc việc ông D mượn phần đất của em G còn nội dung trao đổi như thế nào thì ông không biết. Biên bản lấy lời khai ông S (bút lục số 73), S xác định: ông không có nhờ S1 đi mời G để bàn bạc việc cho D mượn đất như S1 trình bày đồng thời ông cũng không biết việc mượn đất giữa D với A, G. Biên bản lấy lời khai ông S2 (bút lục số 75), S2 trình bày S2 biết việc D có mượn đất của A nhưng mượn diện tích bao nhiêu thì ông không biết, khi mượn không có làm giấy tờ nhưng ông không có tham gia bàn bạc việc cho mượn đất cùng G và D; đồng thời do ở gần nên S2 biết sự việc cho mượn đất. Như vậy, đối với những người làm chứng do A cung cấp thì họ không trực tiếp chứng kiến việc A cho D mượn đất, riêng đối với S thì ông không biết sự việc mượn đất nêu trên.

[6] Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 25/11/2019, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn N, ông V xác định: Đối với phần đất diện tích 32,3m^2 tại thửa số 25 tờ bản đồ sô 07 do Ủy ban nhân dân thị trấn N đứng tên trên sổ mục kê, nhưng thực tế do các đương sự sử dụng và người nào đang sử dụng vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. A xác định từ trước đến nay, phần đất này bà không có đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và thực tế phần đất này từ năm 2003 đến khi phát sinh tranh chấp, Viện kiểm sát huyện H và ông B là người trực tiếp sử dụng đất, A không có ý kiến hay ngăn cản gì.

[7] Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sư: "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*", đối chiếu với quy định trên trong suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, A không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đòi đất của A. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho B và C quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là không cần thiết, vì quá trình sử dụng, người sử dụng đất nếu đủ điều kiện thì người sử dụng đất kê khai đăng ký và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án đương sự không có yêu cầu, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên quyền tiếp tục sử dụng đất và quyền đăng ký kê khai là vượt quá yêu cầu của đương sự; tuy nhiên chưa đến mức vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do đó cấp phúc thẩm chỉ cần rút kinh nghiệm đối với Tòa cấp sơ thẩm.

[8] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu về việc không tuyên quyền tiếp tục sử dụng đất và quyền kê khai đăng ký cho ông B và bà C.

[9] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản, A phải chịu 3.369.168 đồng, A đã nộp xong và chi phí hết.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm bà A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà A, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu về việc không tuyên quyền tiếp tục sử dụng đất và quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông B và bà C.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A kiện đòi ông B và bà C trả lại cho A phần đất điện tích qua đo đạc thực tế 33,5m^2 đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Đất có kích thước và vị trí như sau:

- Thửa số 01:

Phía Đông giáp đất tranh chấp số 02 có cạnh dài 5,2m;

Phía Tây giáp đất không tranh chấp của ông B có cạnh dài 5,2m;

Phía Nam giáp đường nhựa có cạnh dài 0,36m;

Phía Bắc giáp đất không tranh chấp của bà A có cạnh dài 0,06m.

Diện tích 1,2m^2 nằm tại thửa 319 tờ bản đồ số 7 do ông B và bà C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 02:

Phía Đông giáp đất ông V1 có cạnh dài 5,1m;

Phía Tây giáp đất tranh chấp thửa 01 có cạnh dài 5,2m;

Phía Nam giáp đường nhựa có cạnh dài 6.21m;

Phía Bắc giáp đất không tranh chấp của bà A có cạnh dài 6.34m.

Diện tích 32,3m^2 nằm trong thửa 25 tờ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H quản lý.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà A phải chịu 3.369.168 đồng. Bà A nộp xong và đã chi phí hết.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm bà A chịu 300.000 đồng. A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005575 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm bà A chịu 300.000 đồng. A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005940 ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều